TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11- 2019.
"*V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Bỉ.

Ông Phạm Văn Dự.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 145/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị B H**, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Số xx, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Mai Văn T,** sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số xx, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Thị B H như sau:

Do quen biết bà và ông Mai Văn T sống chung năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông T sống chung bên gia đình chồng ở thị trấn T khoảng 4 năm thì sống riêng tại xã Đ, huyện T,

tỉnh L. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, thường hay uống rượu nên bà và ông T đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Mai Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Mai Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2002 và Mai Thị Thanh T1, sinh ngày 05/3/2010 hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con tên Mai Thị Thanh T1 1.000.000đ/tháng, bà không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung Mai Thị Trúc L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2/ Bị đơn ông Mai Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do ông Tèo vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Mai Văn T vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị B H có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Mai Văn T. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Lê Thị B H và ông Mai Văn T sống chung nhau như vợ chồng từ năm 2000 và có 02 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và

ông T là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Do bà H và ông T chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị B H và ông Mai Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Mai Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2002 và Mai Thị Thanh T1, sinh ngày 05/3/2010 hiện đang sống với bà H và bà yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét, từ khi bà H và ông T không còn chung sống với nhau thì con chung sống với bà H và tại bản tự khai con chung T1, L đều có nguyện vọng sống chung với bà H nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Mai Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2002 và Mai Thị Thanh T1, sinh ngày 05/3/2010 cho bà H được trực tiếp nuôi.

[4.1] Bà Bé Hai yêu cầu ông Tèo cấp dưỡng nuôi con chung Mai Thị Thanh T1, sinh ngày 05/3/2010 là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H nuôi con, ông T phải cấp dưỡng. Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung Mai Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2002 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[7] Án phí: Bà Lê Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định. Ông Mai Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 271; 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị B H và ông Mai Văn T.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Bé H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Mai Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2002 và Mai Thị Thanh T1, sinh ngày 05/3/2010. Ông Mai Văn T phải cấp dưỡng nuôi con tên Mai Thị Thanh T1 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 18 hàng tháng; bắt đầu từ ngày 18/11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Bé H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006981 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà H đã nộp đủ án phí. Ông Mai Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa